

Bản án số: 105/2025/HS-PT

Ngày: 20 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Doanh

Bà Vũ Thị An

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khánh Tùng – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm, thụ lý số 90/2025/TLPT-HS ngày 04 tháng 9 năm 2025, do có kháng cáo của bị hại Trần Văn N đối với bản án hình sự sơ thẩm số 06/2025/HSST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Thái Nguyên.

Bị cáo bị kháng cáo: **Nguyễn Thanh T**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 13/10/1985 tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố L, thị trấn H, huyện Đ (cũ), tỉnh Thái Nguyên. Nay thuộc xã Đ, tỉnh Thái Nguyên; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông: Nguyễn Mạnh T1, con bà: Lê Thị Bích H; Vợ: Nguyễn Phương T2 và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Tại Bản án HSST số 80 ngày 06/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Chấp hành xong Bản án năm 2022.

+ Tại Bản án HSST số 94 ngày 25/11/2011 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999. Chấp hành xong Bản án năm 2012.

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 64237 ngày 13/7/2017 của Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 2.500.000đ về hành vi “Cố ý gây thương tích, xâm hại sức khỏe người khác”. Nộp phạt ngày 14/9/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/5/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại kháng cáo: Anh Trần Văn N, sinh năm 1981 (có mặt).

Trú tại: Xóm G, xã C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Nay là: Xóm G, xã L, tỉnh Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Đức N1 và ông Đoàn Văn C - Luật sư thuộc Công ty L1 - Đoàn Luật sư thành phố H. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ, ngày 30/3/2025, Nguyễn Thanh T đến nhà bà Nguyễn Thị H1 (SN 1958, trú tại tổ dân phố L, thị trấn H, huyện Đ (cũ), tỉnh Thái Nguyên. Nay là xã Đ, tỉnh Thái Nguyên) để ăn cơm. Tại nhà bà H1, T ngồi ăn cơm uống rượu cùng với các anh Nguyễn Mạnh C1 (SN 1980); Nguyễn Tiến D (SN 1989); Nguyễn Thái H2 (SN 1980), cùng trú tại tổ dân phố L, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nguyễn Văn L (SN 1987, trú tại Thôn T, xã Đ, huyện S, TP Hà Nội); Nguyễn Mạnh T3 (SN 1984, trú tại xóm H, xã H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên) và Trần Văn N (SN 1981, trú tại xóm G, xã C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên). Trong khi ăn, uống giữa T và anh N xảy ra mâu thuẫn do anh N nói ý là T cùng đồng bọn với người đi trộm cắp chó mới đi tù về hay sao mà bênh nhau thế. Do bức tức khi bị anh N ý nói mình cùng phường trộm chó nên T dùng tay trái cầm 01 chiếc bát sứ (bát đang sử dụng để ăn cơm) đập, trúng mắt bên phải của anh N, bát sứ bị văng ra đập vào cột sắt bị vỡ nhiều mảnh. Sau đó, T bỏ đi về, anh N được đưa đi cấp cứu và được điều trị tại Bệnh viện A đến ngày 14/4/2025 thì ổn định ra viện.

Ngày 31/3/2025, anh Trần Văn N làm đơn trình báo đến cơ quan Công an đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 219/KLTTCT-TTPY ngày 29/4/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh T, kết luận: “Căn cứ Thông tư số: 22/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Văn N tại thời điểm giám định là: 11% (Mười một phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Về dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho anh N số tiền 5.000.000đ.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 06/2025/HS-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Thái Nguyên đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Nguyễn Thanh T **24** (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày **22/5/2025**.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh Trần Văn N tổng các khoản với số tiền là: **57.382.000 đồng**.

Bị cáo đã bồi thường cho người bị hại được số tiền 5.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp cho ông Trần Văn N số tiền là: **52.382.000 đồng**.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định lãi suất chậm trả, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Ngày 30/7/2025, bị hại Trần Văn N có đơn kháng cáo, đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, tăng phần bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo và giao nộp thêm các hóa đơn, chứng từ liên quan đến việc khám, điều trị tại bệnh viện M. Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết và nhất trí bồi thường thêm các khoản có hóa đơn, chứng từ do bị hại cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:

Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 24 tháng tù là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của bị hại về hình phạt đối với bị cáo.

Về bồi thường: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các hóa đơn chứng từ, các khoản chi phí khám chữa bệnh, bồi dưỡng sức khỏe, thu nhập thực tế bị mất của bị hại và người chăm sóc, bồi thường tổn thất tinh thần và các chi phí hợp lý khác mức bồi thường đã tuyên là phù hợp. Tại phiên tòa bị hại cung cấp thêm các hóa đơn, chứng từ mua thuốc, khám chữa bệnh tại bệnh viện M và các chi phí khác, nên đề nghị xem xét chấp nhận các khoản tiền có hóa đơn, chứng từ hợp lệ để tăng mức bồi thường cho bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Văn N về phần hình phạt đối với bị cáo; căn

cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm về phần bồi thường.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ vì giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn từ trước mà chỉ vì nguyên cớ nhỏ nhặt mà bị cáo đã gây thương tích cho bị hại, từ đó đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo.

Về bồi thường: Đề nghị chấp nhận các khoản tiền có hóa đơn, chứng từ do bị hại cung cấp tại phiên tòa và đề nghị tăng các khoản tiền như tiền bồi dưỡng sức khỏe; tiền thu nhập thực tế bị mất của bị hại và người chăm sóc; tiền bù đắp tổn thất tinh thần, tiền thuê xe đi khám bệnh vì cấp sơ thẩm tính chưa đầy đủ và quá thấp. Đề nghị tăng các khoản tiền khoảng 30 triệu so với mức bồi thường cấp sơ thẩm đã tuyên.

Bị cáo T: Nhất trí bồi thường thêm cho bị hại các khoản tiền có hóa đơn chứng từ và các khoản chi phí hợp lý khác theo yêu cầu của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị hại làm trong hạn luật định và đúng theo thủ tục quy định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị hại Trần Văn N:

Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 24 tháng tù là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của bị hại về hình phạt đối với bị cáo.

Về bồi thường: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các hóa đơn chứng từ, các khoản chi phí khám chữa bệnh, bồi dưỡng sức khỏe, thu nhập thực tế bị mất của bị hại và người chăm sóc, bồi thường tổn thất tinh thần và các chi phí hợp lý khác và buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền 57.382.000 đồng là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bị hại đã cung cấp thêm các hóa đơn, chứng từ liên quan đến việc đi khám, chữa bệnh tại bệnh viện M. Xét đề nghị của bị hại là có căn cứ, mặt khác tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường thêm các khoản tiền theo yêu cầu của bị hại, vì vậy, Hội đồng xét xử cần buộc bị cáo bồi thường các khoản tiền cụ thể như sau:

- Tiền viện phí, chi phí khám chữa bệnh có hóa đơn, chứng từ: 11.823.000đ;
- Tiền phục hồi sức khỏe: 25.740.000đ;
- Tiền bồi dưỡng sức khỏe: 2.672.000đ;
- Tiền mất thu nhập thực tế của bị hại: 9.000.000đ;

- Tiền mất thu nhập thực tế của người chăm sóc: 9.000.000đ;
- Tiền bù đắp tổn thất tinh thần: 23.400.000đ;
- Tiền thuê xe: 4.000.000đ.

Tổng cộng: 85.635.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường 5.000.000đ; còn phải bồi thường tiếp số tiền: 80.635.000 đồng.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bị hại được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Văn N về phần hình phạt; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị hại, sửa bản án Hình sự sơ thẩm số 06/2025/HSST ngày 29/7/2025 của TAND khu vực 5 – Thái Nguyên về phần bồi thường.

1. Về Hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt: Nguyễn Thanh T **24** (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày **22/5/2025**.

Căn cứ Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Thanh T 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng:

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh Trần Văn N tổng số tiền là: **85.635.000 đồng**. Bị cáo đã bồi thường số tiền 5.000.000 đồng; còn phải bồi thường tiếp cho anh Trần Văn N số tiền là: **80.635.000 đồng**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo chậm thi hành khoản tiền bồi thường thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu 4.031.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 06/2025/HSST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- TAND khu vực 5;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Tuấn